TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 13-03-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông

Bà Hoàng Thị Hải Hường

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 68/2022/HNGĐ-ST Ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1991 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Vũ Văn L: Ông Nguyễn Văn D - Luật sư - Công ty luật TNHH một thành viên B- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Vũ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022, tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Vũ Văn L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Y ngày 02/02/2015. Kết hôn xong vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ chồng ở thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt, làm ăn kinh tế, từ tháng 5 năm 2018 chị đưa các con về sống cùng với bố mẹ chị tại thôn V, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, do mẹ chồng chị tuổi cao không chăm sóc được các con chị. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 7 năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh L có quan hệ với người con gái khác, chị có hỏi anh L nhưng anh L không thừa nhận dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều khi vợ chồng cãi nhau anh L còn xúc phạm gia đình chị, đánh chị, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, chị vẫn về bên nhà anh L mỗi khi bên nhà anh L có công việc, còn anh L không sang gia đình nhà bố mẹ chị, không có trách nhiệm gì. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình có biết, có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 và cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019. Hiện nay hai cháu đang học và ở cùng với chị tại Bắc Ninh. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con vì từ khi tự sinh cháu Nguyên, anh L không chu cấp gì cho chị để nuôi con, từ tháng 8 năm 2020 đến nay hàng tháng anh L có gửi cho chị 1.500.000 đồng để nuôi hai cháu. Hiện nay chị làm nhân viên hành chính tại Công ty cổ phần N ở thành phố Bắc Ninh, thu nhập bình quân 14.000.000 đồng/tháng, chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị, chị đủ điều kiện nuôi hai cháu phát triển tốt

Về tài sản chung: Thời gian chung sống với gia đình nhà chồng, vợ chồng chị có xây một nhà hai tầng trên đất của bố mẹ chồng, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ chung và không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị L trình bày: Chị kết hôn với anh L năm 2015, trước khi kết hôn chị làm Công ty tại xã Q, tỉnh Bắc Ninh, sau khi kết hôn chị về chung sống với anh L tại huyện Y, Bắc Giang, chị chuyển làm tại Công ty V, huyện V đến tháng 8 năm 2016 trước khi sinh con đầu lòng chị nghỉ làm. Do khi

sinh con chị không có việc làm ổn định, anh L đi làm ăn xa, kinh tế khó khăn, mặt khác mẹ chồng chị sức khỏe yếu không đỡ đần chị việc chăm sóc con vì vậy, chị có xin phép mẹ chồng chị đưa còn về Bắc Ninh để nhờ bố mẹ đẻ chị hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con để chị còn đi làm lấy tiền nuôi con. Từ tháng 5 năm 2018, chị về Bắc Ninh ở với bố mẹ chị và chị đi làm tại Công ty cổ phần N ở thành phố B từ đó đến nay. Tháng 12 năm 2019 trước khi chị sinh con thứ hai, chị có về huyện Y ở cùng mẹ chồng chị, còn cháu đầu vẫn ở với bố mẹ chị do bố mẹ chị chăm sóc, chị ở huyện Y đến tháng 5 năm 2020 chị và con chị lại về ở cùng với bố mẹ chị tại Bắc Ninh từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về nuôi con chung, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai cháu, vì hiện tại hai cháu đã sống với chị và ông bà ngoại từ bé, cháu lớn đang học lớp 1 tại trường tiểu học cơ sở Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 3.000.000 đồng đối với hai con, nhưng chị xác định do công việc của anh L không ổn định, nên chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Vũ Văn L trình bày:

Anh và chị L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Y ngày 02/02/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh tại thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đến tháng 5/2018, chị L đưa con về sống cùng với bố mẹ chị L tại thôn V, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh để nhờ bố mẹ chị L chăm sóc con giúp vợ chồng anh vì mẹ anh tuổi cao không chăm sóc được các con anh, công việc của anh đi làm xa, mỗi tháng anh chỉ có thời gian về thăm vợ con từ 1 đến hai lần. Mặc dù sống hai nơi nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh đi làm xa phải đi khắp các tỉnh, chị L không tin tưởng anh, theo dõi hoạt động của anh qua Zalo, Facebook, anh có nhắn tin chêu đùa với người phụ nữ khác thì chị L nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh có giải thích nhưng chị L không tin tưởng anh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, chỉ liên lạc để hỏi thăm con, gia đình anh có công việc chị L vẫn có trách nhiệm với gia đình anh, lo công việc xong lại đi. Hai gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 và cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019, hiện hai cháu đang ở cùng với chị L. Khi hai cháu còn nhỏ gia đình anh không có người chăm sóc, vợ chồng anh đã thống nhất để chị L đưa hai cháu về nhà bố mẹ chị L nhờ bố mẹ chị L chăm sóc các cháu. Anh đi làm xa nhưng một tháng anh có về thăm con từ 1 đến 2 lần, anh có chu cấp cho chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng để nuôi

các cháu. Từ tháng 5/2022 anh làm gần nhà, anh không đón các cháu về chăm sóc mà thỉnh thoảng anh có đón các cháu về chơi. Lý do anh không đón các cháu về chăm sóc vì anh phải đi làm, mẹ anh tuổi cao không chăm sóc được các con giúp anh, mặt khác các cháu đang học và sinh hoạt ổn định cùng chị L. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Hoàng N, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh và bạn anh có mở phòng khám Y học cổ truyền D từ tháng 5/2022, đồng thời anh còn là cộng tác viên của Công ty Y học cổ truyền Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh, thu nhập trung bình mỗi tháng của anh từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Vũ Văn L trình bày: Vợ chồng anh mâu thuẫn từ năm 2020, do dịch bệnh covid anh không đi làm ở các tỉnh khác được, anh có châm cứu cho bệnh nhân ở nhà thì chị L không hài lòng và ghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình. Từ tháng 7 năm 2020, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, anh đồng ý ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Về nuôi con chung, anh vẫn yêu cầu được nuôi cháu N, anh đủ điều kiện để chăm sóc con vì từ tháng 5 năm 2022 anh về làm tại Bắc Giang, anh làm buổi sáng, còn buổi chiều anh về làm tại nhà.

Tại biên bản làm việc ngày 03/11/2022 bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ anh L cung cấp như sau: Bà là mẹ đẻ của anh L, gia đình bà có tổ chức cưới hỏi cho anh L, chị L năm 2015, sau khi kết hôn anh L, chị L sống chung cùng với bà, đến năm 2018 chị L cùng với các con của chị L và anh L về ở cùng với bố mẹ chị L đến nay, mặc dù sống hai nơi nhưng chị L vẫn có trách nhiệm với gia đình bà. Khoảng tháng 6,7 năm 2022, chị L, anh L có nói với bà là không thể tiếp tục chung sống với nhau và sẽ ly hôn, bà có hỏi và khuyên bảo anh L, chị L nhưng anh L và chị L cương quyết ly hôn và bảo do vợ chồng không hợp nhau. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh L và chị L có hai con chung, hiện hai cháu đang ở với chị L, khi Tòa án giải quyết ly hôn gia đình đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một con, hiện tại bà tuổi cao cũng không giúp đỡ anh L trong việc chăm sóc các cháu. Về tài sản chung, thời điểm anh L, chị L sống chung với bà, vợ chồng anh L, chị L không đóng góp gì vào khối tài sản chung của bà.

Tại biên bản làm việc ngày 03/11/2022 ông Hoàng Xuân T là bố đẻ chị L cung cấp như sau: Ông là bố đẻ chị L, gia đình ông có tổ chức cưới hỏi cho chị L và anh L năm 2015, sau khi cưới, chị L về làm dâu và ở chung cùng với bố mẹ anh L tại huyện Y, đến năm 2018, chị L và các con của chị L và anh L về chung sống tại Bắc Ninh cùng với vợ chồng ông, mặc dù sống hai nơi nhưng chị L vẫn có trách nhiệm với cả hai gia đình. Từ tháng 7 năm 2022, chị L có nói với gia đình là ly hôn vì vợ chồng không hợp nhau, gia đình có phân tích, khuyên bảo nhưng không có kết quả, nay chị L làm đơn xin ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị L, anh L có hai con

chung, hiện hai cháu đang ở với vợ chồng ông, gia đình ông chăm sóc các con của chị L, anh L từ bé, khi ly hôn gia đình ông đề nghị Tòa án giao hai cháu cho chị L nuôi dưỡng vì hai cháu đang học hành ổn định và có sự hỗ trợ chăm sóc của gia đình ông, còn anh L đi làm ăn xa, mẹ anh L già yếu không chăm sóc được. Về tài sản chung và công nợ của anh L, chị L, gia đình ông không có ý kiến gì

Tại biên bản xác minh ngày 10/11/2022 ông Ong Thế T, trưởng thôn L cung cấp: Địa phương có được biết chị L, anh L chung sống với nhau tại gia đình anh L từ năm 2015 đến năm 2018 thì không thấy chị L và các con của chị L, anh L sống tại nhà của mẹ đẻ anh L, địa phương được biết chị L về ở cùng với bố mẹ đẻ chị L tại Bắc Ninh vì anh L đi làm ăn xa có khi 5 đến 6 tháng mới về, không có người chăm sóc con cái, mẹ anh L già yếu. Địa phương cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh L, chị L, nay chị L xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh L, chị L có hai con chung, các cháu vẫn sống cùng với chị L tại Bắc Ninh, việc giao con cho anh L hay chị L nuôi, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh để việc nuôi con cho phù hợp.

Với nội dung trên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 68/2022/HNGĐ-ST Ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ các Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 điều 35,Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 và cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0009673 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Y.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/12/2022 anh Vũ Văn L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nói trên về phần nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Lý do: Hội đồng xét xử nhận định về thu nhập của chị Hoàng Thị L không khách quan, không đúng thực tế, nhận định về nhu cầu và điều kiện nuôi con của anh không đúng thực tế, không khách quan.

Bản án sơ thẩm giao hai con chung là cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 và cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là không công bằng trong khi quyền nuôi con trực tiếp của anh là bình đẳng với chị L, anh cũng có nhu cầu trực tiếp nuôi con, có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dậy con mà nhu cầu cũng như điều kiện (nơi ở ổn định, thu nhập bảo đảm để nuôi con thời gian để chăm sóc, nuôi dậy con) mà anh đã chứng minh tại cấp sơ thẩm. Do vậy, anh đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung liên quan đến phần nhận định của tòa cấp sơ thẩm, anh đề nghị được nuôi con chung Vũ Hoàng N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con như phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị L không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Vũ Văn L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L là luật sư Nguyễn Văn D và anh Vũ Văn L trình bầy và đề nghị: Anh L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh đề nghị được nuôi con chung là cháu N, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh thay đổi kháng cáo anh đề nghị không nhất thiết phải được nuôi cháu N, nếu giao cháu Ng cho anh nuôi anh cũng nhất trí. Anh L chứng minh được anh đủ điều kiện nuôi cả hai con. Bản án sơ thẩm nhận định và giao hai con cho chị L nuôi làm anh L mất quyền nuôi con theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L có đủ điều kiện về thu nhập là trên 10 triệu đồng và có đủ thời gian cũng như chỗ ở ổn định để nuôi một con chung, các con đều trên 36 tháng tuổi. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y. Áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao một con chung cho anh L trực tiếp nuôi dậy theo yêu cầu của anh L và quy định pháp luật. Anh được nuôi con không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoàng Thị L trình bầy: Chị không đồng ý với kháng cáo của anh L và Luật sư trình bầy. Với lý do anh L không đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại và thực tế anh L không đủ điều kiện, anh L thường xuyên làm xa, không có thời gian chăm sóc con, mẹ anh L bị nhiều bệnh nên không thể giúp anh L đưa cháu đi học được, chị có thu nhập cao hơn anh L, các con đang độ tuổi hình thành nhân cách, chị là giảng viên về kỹ năng sống nên chị có đủ điều kiện nuôi hai

con để các con phát triển nhân cách, chị được nuôi hai con không cần trợ cấp từ anh L. Do vậy, chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm giao hai con chung cho chị nuôi để các con được gần nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh bắc Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tó tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn L. Sửa bản án sơ thẩm về nuôi con chung. Giao cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 cho anh Vũ Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L, anh L không yêu cầu giải quyết

Về án phí: Anh L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2015 tại UBND xã Y, huyện Y. Qúa trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2020. Cả hai cùng đồng ý ly hôn. Bản án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 và cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019. Hiện nay hai con chung đang ở cùng chị L. Bản án sơ thẩm giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L kháng cáo không đồng ý, anh đề nghị giao một con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét kháng cáo của anh Vũ Văn L. Hội đồng xét xử thấy: Về điều kiện nuôi con của chị L và anh L là ngang nhau, cả anh L, chị L đều có công việc và có thu nhập ổn định, anh L có nhà hai tầng chung sống cùng với mẹ anh, chị L chung sống cùng bố mẹ, những lúc công việc phải làm thêm đều cần sự giúp đỡ của bố mẹ. Tại phiên tòa chị L trình bầy anh L không đủ điều kiện nuôi con vì đi làm xa nhà, thu nhập thấp hơn chị, không có thời gian chăm sóc nhưng chị không đưa ra được căn cứ chứng minh anh L không đủ điều kiện nuôi con. Do

vậy, Bản án sơ thẩm giao cả hai con chung cho chị L nuôi dưỡng là không đảm bảo về quyền được nuôi con của anh L theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Nên kháng cáo của anh L là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa anh L trình bầy anh đề nghị được nuôi một con chung không nhất thiết phải là cháu N. Hội đồng xét xử thấy: cháu Ng là con gái, sinh ngày 13/12/2019 mới trên 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc từ mẹ hơn nên giao cháu Ng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các chung.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn L. Sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung. Giao cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 cho anh Vũ Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh L, chị L thực hiện quyền này.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L, anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Vũ Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn L, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 điều 35, khoản 2 Điều 148, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Xử:

1. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Hoàng N, sinh ngày 29/8/2016 cho anh Vũ Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Vũ Hoàng Ng, sinh ngày 13/12/2019 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở anh L, chị L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị L, anh Vũ Văn L không yêu cầu.

2.Về án phí: Anh Vũ Văn L không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, Hoàn trả anh L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0009807 ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/03/2023).

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-TAND huyện Y;
-VKSND huyện Y.
-CCTHADS huyện Y ;
-UBND xã Y, huyện Y;
-Cổng TTĐT Tòa án nhân dân;
-Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền